

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **459/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/9/2018

V/v tranh chấp “không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trung Trực**;

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Bạch T**, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Bùi Văn N**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Bạch T trình bày: Chị và anh Bùi Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Quá trình anh chị chung sống với nhau không có nhiều hạnh phúc, nguyên nhân là do anh N thường xuyên ăn nhậu về gây gổ với chị, anh N còn kiếm chuyện với gia đình của chị. Chị T đã tìm cách khuyên anh N để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh N không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị T nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Bảo C, sinh năm 1991 bị bệnh tâm thần phân liệt; Bùi Bảo Ng, sinh năm 1997 và Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành và lao động được. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bùi Bảo C, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Bùi Văn N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình chung sống với nhau. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 03 con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn, con chung Bùi Bảo Ng, sinh năm 1997 và Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên anh không có ý kiến gì; anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung Bùi Bảo C, sinh năm 1991, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, chị Trần Thị Bạch T vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn N. Về con chung: Cháu Bùi Bảo Ng, sinh năm 1997 và Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên chị không có yêu cầu gì; chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bùi Bảo Ch, sinh năm 1991, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có.

Anh Bùi Văn N đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Cháu Bùi Bảo Ng, sinh năm 1997 và Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên anh không có yêu cầu gì; anh đồng ý để chị Tuyết được nuôi dưỡng con chung Bùi Bảo C, sinh năm 1991, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Trần Thị Bạch T về việc tranh chấp “ly hôn” với anh Bùi Văn N có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức đám cưới nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn. Quá trình anh chị chung sống với nhau không có nhiều hạnh phúc, nguyên nhân là do anh N thường xuyên ăn nhậu về gây gổ với chị T, anh N còn kiếm chuyện với gia đình của chị. Chị T đã tìm cách khuyên anh N để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh N không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nên chị T và anh N đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, chị T và anh N từ lúc ly thân đến nay không ai có biện pháp nào khắc phục để cả hai hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị thật sự tự nguyện ly hôn. Tuy nhiên chị T và anh N

chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị. Theo qui định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 03 con chung tên Bùi Bảo C, sinh năm 1991 bị bệnh tâm thần phân liệt; Bùi Bảo Ng, sinh năm 1997 và Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1999. Khi ly hôn, đối với con chung Bùi Bảo Ng và Bùi Thị Ngọc Tr hiện nay đã trưởng thành và lao động được, chị T và anh N thống nhất không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Bùi Bảo C hiện đang bị bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng (F20.0). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng C và anh N cũng thống nhất, đồng thời, từ khi chị T và anh N ly thân, chị T là người chăm sóc trực tiếp cho C. Do đó, để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của C nên cần giao C cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T và anh N thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 69, Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bạch T.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Bạch T và anh Bùi Văn N là vợ chồng.

2/ Về con chung: Con chung Bùi Bảo Ng, sinh năm 1997 và Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành và lao động được. Giao con chung Bùi Bảo C, sinh năm 1991 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Trần Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014898 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TG;
- VKSNDHCG-TG
- Chi cục THADSHCG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng